

Bản án số: 42/2022/HNGĐ - ST

Ngày: 09/9/2022

V/v tranh chấp Hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ỨNG HÒA – TP HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Bùi Thanh Minh**

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Đặng Viết Côi** và bà **Nguyễn Thị Vân**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thị Hồng** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ứng Hoà, thành phố Hà Nội.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hoà tham gia phiên tòa:** Ông **Nguyễn Tuấn Anh** - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ứng Hoà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 139/2022/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2022/QĐST – HNGĐ ngày 18/8/2022 giữa các đương sự:

**\*Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Văn T – sinh năm 1977

Nơi ĐKKHKT: thôn TT, xã TT1, huyện UH, TP. Hà Nội.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

**\* Bị đơn:** Chị Đặng Thị T1 – sinh năm 1993 (Vắng mặt)

Nguyên quán: thôn TV, xã ĐB, huyện UH, TP. Hà Nội

Nơi ĐKKHKT: thôn TT, xã TT1, huyện UH, TP. Hà Nội.

**\*Người làm chứng:** Ông Đặng Văn T6 – sinh năm: 1964 (Vắng mặt)

Địa chỉ: thôn TV, xã ĐB, huyện UH, TP. Hà Nội.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn ly hôn, biên bản lấy lời khai anh Nguyễn Văn T là nguyên đơn trình bày: anh kết hôn với chị Đặng Thị T1, sinh năm: 1993 ở thôn TV, xã ĐB, huyện Ứng Hoà, TP. Hà Nội. Việc anh chị kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TT1, năm 2011.

Quá trình chung sống: vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2016, do anh

có vi phạm pháp luật nên phải đi cải tạo 4 năm. Khi anh đi cải tạo là lúc đưa con gái nhỏ của anh mới sinh. Đến năm 2017, anh nghe gia đình nói chị T1 bỏ lại 4 đứa con nhỏ ở nhà cho bố mẹ để anh chăm sóc nuôi dưỡng. Trong thời gian anh đi cải tạo chị T1 cũng không hỏi han gì đến anh, chị chưa một lần đến thăm anh. Khi anh chấp hành án xong về địa phương có liên hệ với chị T1 để vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ về cùng nhau làm ăn nuôi con nhưng chị T1 không về, không đồng ý hàn gắn. Từ đó cho đến nay, anh cũng không liên lạc gì với chị T1. Nay anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên cương quyết xin ly hôn.

Về con chung: chúng tôi có 04 con chung là cháu Nguyễn Văn T3 – sinh ngày: 20/4/2012; cháu Nguyễn Văn T2- sinh ngày: 20/8/2014; cháu Nguyễn Văn T4 – sinh ngày: 20/8/2014 và cháu Nguyễn Phương T5 – sinh ngày: 08/8/2016; Khi ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công sức, công nợ chung: không có gì, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Đặng Thị T1 đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa làm việc. Tòa án đã T2 hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của chị. Tuy nhiên, chị T1 vẫn không đến Tòa án làm việc do đó không có quan điểm trình bày.

Theo biên bản lấy lời khai của người làm chứng: ông Đặng Văn Thìn là bố đẻ của chị Đặng Thị T1 trình bày: sau khi anh T đi tù thì chị T1 ở nhà bỏ đi làm ăn kinh tế. Anh T cũng gọi về cho ông nhờ chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu, kể từ đó, ông cũng đón các cháu về nuôi. Khi anh T đi cải tạo về thì có xuống nhà ông đón các con về nuôi, còn chị T1 đi từ ngày đó đến nay. Trong thời gian chung sống anh T và chị T1 có 04 con chung: cháu Nguyễn Văn T3 – sinh ngày: 20/4/2012; cháu Nguyễn Văn T2- sinh ngày: 20/8/2014; cháu Nguyễn Văn T4 – sinh ngày: 20/8/2014 và cháu Nguyễn Phương T5 – sinh ngày: 08/8/2016. Về quan hệ hôn nhân: nếu anh chị không ở được với nhau thì cho ly hôn theo quy định của pháp luật. Về con chung của anh T và chị T1: Ông có nguyện vọng nếu được thì cho ông nuôi 01 hoặc 02 cháu để đỡ đàn anh T1.

Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương xã TT1 xác định: anh T và chị T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TT1, ngày 12/9/2011. Sau khi kết hôn, cuộc sống của anh chị hòa thuận, hạnh phúc không thấy điều gì. Đến năm 2016, anh T vi phạm pháp luật phải đi chấp hành án phạt tù 05 năm. Sau khi anh T đi thì chị T1 cũng đi làm ăn, không ở địa phương, thi thoảng về thăm con rồi lại đi luôn. Năm 2021, anh T chấp hành xong hình phạt trở về địa phương sinh sống nhưng không thấy chị T1 về. Trong thời gian chung sống, anh chị có 04 con chung là Nguyễn Văn T3 – sinh ngày: 20/4/2012; Nguyễn

Văn T2 – sinh ngày: 20/8/2014; Nguyễn Văn T4 – sinh ngày: 20/8/2014; Nguyễn Phương T5 – sinh ngày: 08/8/2016. Hiện nay, cả 04 con đang ở với anh T, học tập và sinh sống tại địa phương, cuộc sống ổn định và phát triển tốt. Quan điểm của chính quyền địa phương: đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự và của trẻ nhỏ.

Tại phiên tòa, anh T có đơn xin xét xử vắng mặt, vẫn giữ nguyên ý kiến, không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ nào khác. Chị T1 vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của Viện kiểm sát về thủ tục tố tụng: Qua việc kiểm sát hồ sơ và tại phiên tòa thấy đều đúng và đầy đủ về quan hệ pháp luật, về thẩm quyền, về người tham gia tố tụng, người T2 hành tố tụng, việc thu thập chứng cứ, tổng đạt văn bản, thời hạn chuẩn bị xét xử, đưa vụ án ra xét xử. Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T đối với chị T1. Giao con cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với chị T1. Anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo qui định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả trưng luận tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn T đã làm đơn ly hôn theo mẫu và đã đóng dự phí ly hôn theo đúng quy định của pháp luật. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình, Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa T2 hành thụ lý, giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, triệu tập chị Đặng Thị T1 đến tòa án làm việc theo đúng trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự; quyết định hòa phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, anh T có đơn xin xét xử vắng mặt, chị T1 mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa xét xử nên căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn T2 hành xét xử đối với vụ án.

[2] Về hôn nhân: anh T và chị T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, hợp pháp. Tuy nhiên, cuộc sống chung của anh chị không hòa thuận, hạnh phúc. Anh T đi chấp hành án phạt tù 5 năm, trong thời gian đó, chị T1 cũng không thăm hỏi, quan tâm gì đến anh T. Chị T1 cũng để lại con nhỏ cho ông bà nuôi dưỡng. Khi anh T trở về chị cũng không về sinh sống cùng anh T. Nay anh T nhận thấy không còn tình cảm với chị T1 nên đã làm đơn xin ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy cuộc sống hôn nhân của anh chị không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên

Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của anh T là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

[3] Về con chung: anh T và chị T1 có 04 con chung là cháu Nguyễn Văn T3 – sinh ngày: 20/4/2012; cháu Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn T4 cùng sinh ngày: 20/8/2014; cháu Nguyễn Phương T5 – sinh ngày: 08/8/2016. Hiện cả 04 cháu đang ở với anh T, anh T có nguyện vọng xin nuôi cả 04 con và không yêu cầu chị T1 phải cấp dưỡng nuôi con. Chị T1 không đến Tòa làm việc nên không có quan điểm trình bày. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy cần chấp nhận nguyện vọng của anh T là giao 04 con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với chị T1 là phù hợp với quy định tại Điều 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản, công sức và công nợ: Anh T trình bày là không có gì, không đề nghị Tòa án giải quyết; chị T1 không có quan điểm trình bày nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết. Trường hợp nếu sau này các đương sự có yêu cầu đề nghị thì sẽ giải quyết tại vụ án khác.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Anh T phải nộp toàn bộ án phí ly hôn theo quy định pháp luật. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án. Xét:

1. Anh Nguyễn Văn T được ly hôn với chị Đặng Thị T1;
2. Về con chung: anh T và chị T1 có 04 con chung là cháu Nguyễn Văn T3 – sinh ngày: 20/4/2012; cháu Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn T4 cùng sinh ngày: 20/8/2014; cháu Nguyễn Phương T5 – sinh ngày: 08/8/2016. Sau khi ly hôn, giao anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu T3, cháu T4, cháu T2 và cháu T5. Anh T không yêu cầu chị T1 phải cấp dưỡng nuôi con, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với chị T1 cho đến khi các con chung trưởng thành, khỏe mạnh hoặc khi có sự thay đổi khác hoặc khi có yêu cầu khác. Chị T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.
3. Về tài sản, công sức, công nợ chung: Anh T trình bày là không có gì, không đề nghị Tòa án giải quyết; chị T1 không có quan điểm trình bày nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết. Trường hợp nếu sau này các đương sự có yêu cầu đề nghị thì sẽ giải quyết tại vụ án khác.

4. Về án phí: Anh T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ anh T đã nộp tại Biên lai thu số 0057473 ngày 11/5/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện Ứng Hòa;
- Chi cục THADS Ứng Hòa;
- Cơ quan thực hiện ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hs; V/P./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Bùi Thanh Minh**

**Thành viên hội đồng xét xử**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**